

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LỊCH SỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4118 /QĐ-ĐT, ngày 30 tháng 11 năm 2012
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Lịch sử
 - + Tiếng Anh: History
- Mã số ngành đào tạo: 52220310
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Lịch sử (Chương trình chất lượng cao)
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in History (Honors Program)
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Lịch sử hệ Chất lượng cao trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về các môn học thuộc khối kiến thức chung, Khối kiến thức chung theo lĩnh vực và khối ngành; kiến thức cơ bản, hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới, về một số môn học bổ trợ, về một chuyên ngành của khoa học lịch sử; đồng thời được tăng cường kiến thức ngoại ngữ và một số chuyên đề chuyên sâu về lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: tuyển sinh học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, dự thi đại học khối C (3 môn: Văn, Sử, Địa), khối D (3 môn: Văn, Toán, Ngoại ngữ).

3.2. Phương thức tuyển chọn sinh viên hệ chất lượng cao

- Đối tượng tuyển chọn

Sinh viên trúng tuyển vào Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (diện tuyển thẳng, diện thi tuyển, không phân biệt trúng tuyển ngành nào), đạt yêu cầu về

kiểm tra trình độ ngoại ngữ và viết bài luận, đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau đây:

a) Đạt giải ba toàn quốc trở lên trong kì thi học sinh giỏi lớp 12 (năm tuyển sinh và năm liền kề trước đó).

b) Là học sinh giỏi 3 năm liền ở bậc trung học phổ thông (THPT) lớp 10, 11, 12.

c) Đã tốt nghiệp THPT chuyên của các trường đại học hoặc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

d) Điểm thi đại học (tính cả điểm ưu tiên khu vực và đối tượng): theo quy định cụ thể của từng năm.

- *Phương thức tuyển chọn:*

+ Tuyển thẳng: Các đối tượng nêu ở mục a.

+ Xét tuyển: Đối tượng còn lại.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Về kiến thức

1.1. Hiểu được hệ thống tri thức khoa học cơ bản của các môn Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin và ý nghĩa phương pháp luận của hệ thống lí thuyết này trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.2. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.3. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.4. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về các khoa học cơ bản thuộc lĩnh vực Xã hội và Nhân văn trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.5. Hiểu và vận dụng được kiến thức về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.6. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về các môn học thuộc khối ngành Lịch sử, Triết học, Chính trị học trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.7. Kiến thức cơ bản lí luận sử học bao gồm những diễn giải bản thể lịch sử với tư cách là đối tượng của sử học, lí thuyết về con đường tiếp cận lịch sử và khai thác thông tin lịch sử, các thời đại và khuynh hướng sử học thế giới và Việt Nam. Biết phân tích chỉ ra những yếu tố tích cực hay hạn chế của các trường phái sử học hiện đại; biết phê phán các loại hình sử liệu đặc thù.

1.8. Những hiểu biết cơ bản về khoa học khảo cổ như một lĩnh vực liên ngành nghiên cứu quá khứ nhân loại. Hiểu rõ bản chất của khoa học khảo cổ và tính liên ngành, đa ngành của những nghiên cứu khảo cổ học, xác định rõ mục đích, đối tượng của khảo cổ học và những quan điểm khác nhau về khảo cổ học.

1.9. Kiến thức hệ thống, nâng cao về tiến trình lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới thời kì cổ trung đại, thời kì cận đại, thời kì hiện đại.

1.10. Tri thức về một số vấn đề của lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới như làng xã Việt Nam trong lịch sử, Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào Việt Nam, sự phát triển kinh tế-xã hội các nước Đông Bắc Á...

1.11. Kiến thức nâng cao, chuyên sâu về các khuynh hướng tư tưởng ở Việt Nam thời cận đại, về ASEAN và quan hệ Việt Nam-ASEAN.

1.12. Hiểu biết cơ bản quá trình hình thành và phát triển của chữ Hán, chữ Nôm trong lịch sử, văn hóa của Việt Nam. Có khả năng phiên âm và dịch nghĩa một số loại hình văn bản Hán nôm cơ bản về lịch sử, văn hóa Việt Nam.

1.13. Kiến thức nâng cao các hướng chuyên ngành lịch sử (tùy vào hướng chuyên ngành sinh viên đăng kí học)

1.13.1. Hướng chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

- Kiến thức chuyên sâu về chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ và trung đại Việt Nam; Tiếp xúc văn hóa Đông-Tây ở Việt Nam thời cận đại; Biến đổi kinh tế- xã hội Việt Nam 1945-2010...

- Vận dụng được những kiến thức này trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành Lịch sử Việt Nam và liên ngành các khoa học lịch sử.

1.13.2. Hướng chuyên ngành Lịch sử Thế giới

- Kiến thức chuyên sâu về quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực biển Đông; một số vấn đề về quan hệ kinh tế và hợp tác khu vực Đông Á; Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh...

- Vận dụng được những kiến thức này trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành Lịch sử thế giới và liên ngành các khoa học lịch sử.

1.13.3. Hướng chuyên ngành Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

- Kiến thức chuyên sâu về Một số vấn đề về nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đường lối đối ngoại của Đảng qua các thời kì lịch sử; Một số vấn đề cơ bản trong đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam ...

- Vận dụng được những kiến thức này trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và liên ngành các khoa học lịch sử.

1.13.4. Hướng chuyên ngành Văn hóa học

- Kiến thức chuyên sâu về Một số vấn đề lí luận văn hóa học và lịch sử văn hóa; Ứng dụng các phương pháp xã hội học trong nghiên cứu lịch sử văn hóa; Đô thị và văn hóa đô thị ở Việt Nam...

- Vận dụng được những kiến thức này trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành Văn hóa học và liên ngành các khoa học lịch sử.

1.13.5. Hướng chuyên ngành Khảo cổ học

- Kiến thức chuyên sâu về các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học; Thời đại đồ đá Việt Nam; Thời đại kim khí Việt Nam...

- Vận dụng được những kiến thức này trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành Khảo cổ học và liên ngành các khoa học lịch sử.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

- Biết lập luận khoa học để xác định rõ đối tượng nghiên cứu lịch sử, tính chất của nhận thức lịch sử, nắm được và có khả năng áp dụng một cách thuần thục quy trình nghiên cứu về mặt lí thuyết để có thể ứng dụng khi thực hành nghiên cứu lịch sử đạt chất lượng cao.

- Nhận biết các đặc trưng cơ bản của một di tích khảo cổ học, từ đó có thể phát hiện các di tích khảo cổ học mới trong quá trình công tác. Có các kĩ năng cần thiết về chọn hướng, hoạch định hố và tổ chức khai quật cũng như các kĩ năng riêng biệt khi phát hiện và xử lí các loại hình di tích đặc biệt trong hố khai quật. Hiểu về phương pháp công tác quần chúng, biết động viên nhân dân làm công tác khảo cổ, đem khảo cổ phục vụ cho yêu cầu cụ thể của địa phương, tham gia thực hiện công tác “Khảo cổ học cộng đồng”.

- Nắm vững phương pháp và những lí thuyết nghiên cứu cơ bản về khoa học lịch sử nói chung, về một hướng chuyên ngành lịch sử nói riêng (tùy vào hướng chuyên ngành sinh viên đăng kí học). Trên cơ sở đó biết cách triển khai thực hiện sáng tạo các đề tài nghiên cứu khoa học và tiếp cận các hướng chuyên ngành khác của khoa học lịch sử cũng như của khoa học xã hội và nhân văn nói chung.

- Kĩ năng xác định, phân tích và giải quyết vấn đề của khoa học lịch sử.

- + Có khả năng xác định vấn đề, đặt câu hỏi nghiên cứu/ giả thuyết nghiên cứu.
- + Có khả năng xác định mức độ ưu tiên đối với từng câu hỏi nghiên cứu/giả thuyết nghiên cứu.
- + Có khả năng lựa chọn và vận dụng sáng tạo các phương pháp nghiên cứu lịch sử trong phân tích và giải quyết vấn đề thuộc hướng chuyên ngành được đào tạo.
- + Có khả năng phân bổ thời gian, nguồn lực để giải quyết vấn đề.
 - Kỹ năng điều tra, khảo sát:
 - + Khảo sát trên tài liệu (biết cách tra cứu tài liệu bằng công cụ tìm kiếm, trong thư viện; biết cách sắp xếp và phân loại thông tin; biết cách đánh giá độ tin cậy của thông tin; có khả năng xác định các vấn đề nghiên cứu còn tồn đọng, các vấn đề chưa/ít được quan tâm nghiên cứu; biết cách liệt kê, trích dẫn tài liệu tham khảo).
 - + Khảo sát trên thực tế (hiểu các phương pháp thực hiện khảo sát thực tế đối với từng chuyên ngành cụ thể; có khả năng tiến hành khảo sát cá nhân/theo nhiều nhóm khác nhau; có khả năng vận dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ để thực hiện khảo sát).
 - Khái quát hoá các kết quả nghiên cứu thực nghiệm/lí thuyết.

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Kỹ năng làm việc, giải quyết độc lập, sáng tạo

2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm

- Thành lập nhóm.
- Xác định vai trò thành viên hay lãnh đạo nhóm.
- Xác định kế hoạch làm việc của nhóm.
- Triển khai kế hoạch làm việc, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.
- Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp

- Xây dựng ý tưởng, lập luận.
- Giao tiếp cá nhân trực tiếp.
- Thuyết trình trước đám đông.
- Giao tiếp bằng văn bản.
- Giao tiếp qua các phương tiện kĩ thuật công nghệ.

2.2.4. Các kỹ năng về ngoại ngữ và tin học

- Kỹ năng ngoại ngữ: đạt trình độ B2 (tương đương 5.0 IELTS).
- Kỹ năng tin học: thành thạo kỹ năng tin học văn phòng.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Nhận thức và ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức.
- Trung thực và giữ uy tín.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác và tận tụy trong công việc.
- Trung thực trong nghiên cứu và trong khai thác, trích dẫn các kết quả nghiên cứu.
- Ý thức được trách nhiệm và thể hiện trách nhiệm trong công việc.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Cầu thị, khát khao khám phá và học hỏi từ thực tế cuộc sống, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.
- Bảo vệ lợi ích của Tổ quốc.

4. Vị trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Làm công tác nghiên cứu ở các viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội có yêu cầu chuyên môn liên quan trực tiếp đến kiến thức lịch sử.
- Làm công tác giảng dạy lịch sử tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học.
- Làm công tác quản lí tư liệu lịch sử, quản lí bảo tàng, di tích lịch sử...
- Làm công tác lịch sử, văn hoá ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội (ở trong và ngoài nước).
- Làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.

**Các loại hình cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp:*

- Các trường đại học, cao đẳng, phổ thông có giảng dạy lịch sử và môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Các Viện Nghiên cứu thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Sử học, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Nghiên cứu Châu

Mĩ, Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, Viện Dân tộc học...), Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Viện Lịch sử Đảng...

- Các cơ quan Nhà nước và đoàn thể có sử dụng kiến thức lịch sử (các cơ quan trung ương của hệ thống chính trị, các cơ quan báo chí, UBND các cấp, bảo tàng, các trung tâm nghiên cứu lịch sử-văn hoá, các đơn vị quản lí di tích lịch sử, các nhà xuất bản, tạp chí chuyên ngành lịch sử...).

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 149 tín chỉ, trong đó:

- **Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN: 32 tín chỉ**
(Không tính các môn học GDTC và GDQP-AN, kĩ năng mềm)
- **Khối kiến thức chung theo lĩnh vực: 23 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc:* 17 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 6/8 tín chỉ
- **Khối kiến thức chung của khối ngành: 17 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc:* 12 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 5/12 tín chỉ
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành: 13 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc:* 9 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 4/8 tín chỉ
- **Khối kiến thức ngành và bổ trợ: 64 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc:* 56 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 8 tín chỉ
- **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 11 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (không tính các môn từ 10-12)	32				
1	PHI1004	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	21	5	4	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6	FLF1105* FLF1205* FLF1305* FLF1405*	Tiếng Anh A1(*) Tiếng Nga A1(*) Tiếng Pháp A1(*) Tiếng Trung A1(*)	4	16	40	4	
7	FLF1106* FLF1206* FLF1306* FLF1406*	Tiếng Anh A2(*) Tiếng Nga A2(*) Tiếng Pháp A2(*) Tiếng Trung A2(*)	5	20	50	5	FLF1105* FLF1205* FLF1305* FLF1405*
8	FLF1107* FLF1207* FLF1307* FLF1407*	Tiếng Anh B1(*) Tiếng Nga B1(*) Tiếng Pháp B1(*) Tiếng Trung B1(*)	5	20	50	5	FLF1106* FLF1206* FLF1306* FLF1406*
9	FLF1108 FLF1208 FLF1308 FLF1408	Tiếng Anh B2 Tiếng Nga B2 Tiếng Pháp B2 Tiếng Trung B2	5	20	50	5	FLF1107* FLF1207* FLF1307* FLF1407*
10		Giáo dục thể chất	4				
11		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
12		Kĩ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	23				
II.1		Bắt buộc	17				
13	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	33	12		
14	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1004
15	HIS1053*	Lịch sử văn minh thế giới (*)	3	42	3		
16	HIS1056*	Cơ sở văn hoá Việt Nam (*)	3	42	3		
17	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		
18	PSY1050*	Tâm lí học đại cương (*)	2	30			
19	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	10		
II.2		Tự chọn	6/8				
20	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	
21	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
22	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
23	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	10	10	10	
III		Khối kiến thức chung của khối ngành	17				
<i>III.1</i>		<i>Bắt buộc</i>	<i>12</i>				
24	PHI1101*	Tôn giáo học đại cương (*)	3	39	6		
25	ANT1101*	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam (*)	3	36	9		
26	POL1052	Chính trị học đại cương	3	39	6		
27	ITS1101*	Thế chế chính trị thế giới (*)	3	45			
<i>III.2</i>		<i>Tự chọn</i>	<i>5/12</i>				
28	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	42	3		
29	PHI1103	Lịch sử triết học	2	26	4		
30	POL2053	Chính trị Việt Nam thời quá độ đi lên Chủ nghĩa xã hội	2	22	8		HIS1002
31	PHI2022	Phương thức sản xuất châu Á và vấn đề làng xã ở Việt Nam	2	26	4		PHI1004
32	PHI1104	Đạo đức học đại cương	3	39	6		PHI1004
IV		Khối kiến thức chung của nhóm ngành	13				
<i>IV.1</i>		<i>Bắt buộc</i>	<i>9</i>				
33	HIS1150	Phương pháp luận sử học	2	28	2		
34	HIS3107	Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử	4	56	4		
35	HIS2010*	Cơ sở khảo cổ học (*)	3	42	3		
<i>IV.2</i>		<i>Tự chọn</i>	<i>4/8</i>				
36	HIS2015	Đường lối đổi mới theo định hướng XHCN của Đảng CSVN	2	28	2		
37	HIS2016	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Bắc Á	2	28	2		
38	HIS2017	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Nam Á	2	28	2		
39	HIS3018	Các tôn giáo thế giới	2	28	2		
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ	64				
<i>V.1</i>		<i>Các môn học chung của ngành</i>	<i>43</i>				
<i>V.1.1</i>		<i>Bắt buộc chung của ngành</i>	<i>39</i>				
40	HIS2061*	Lịch sử Việt Nam cổ- trung đại (*)	4	56	4		
41	HIS2019*	Lịch sử Việt Nam cận đại (*)	3	42	3		HIS2061*
42	HIS2104*	Lịch sử Việt Nam hiện đại (*)	4	56	4		HIS2019*

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
43	HIS2064*	Lịch sử Thế giới cổ- trung đại (*)	4	56	4		
44	HIS2006*	Lịch sử Thế giới cận đại (*)	3	42	3		HIS2064*
45	HIS2065*	Lịch sử Thế giới hiện đại (*)	4	56	4		HIS2006*
46	HIS2020*	Lịch sử sử học (*)	4	56	4		
47	HIS3078*	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam (*)	3	42	3		
48	HIS3201	Các khuynh hướng tư tưởng ở Việt Nam thời cận đại (***)	2	28	2		HIS2019*
49	ORS3288	ASEAN và mối quan hệ Việt Nam -ASEAN (***)	2	28	2		HIS2065*
50	SIN3055	Hán Nôm cơ sở	4	56	4		
51	HIS4250	Niên luận(***)	2				
V.1.2		<i>Tự chọn chung của ngành</i>	4/6				
52	HIS2021	Làng xã Việt Nam trong lịch sử	2	28	2		HIS2061*
53	HIS3292	Các tôn giáo ở Việt Nam	2	28	2		HIS2104*
54	HIS2013	Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá Chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam	2	28	2		HIS2019*
V.2		Kiến thức hướng chuyên ngành	10				
V.2.1		<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Việt Nam</i>	10				
V.2.1.1		<i>Bắt buộc</i>	6				
55	HIS3002	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam	2	28	2		HIS2061*
56	HIS3003	Tiếp xúc văn hóa Đông-Tây ở Việt Nam thời cận đại	2	28	2		HIS2019*
57	HIS 3079	Biến đổi kinh tế- xã hội Việt Nam 1945-2010	2	28	2		HIS2104*
V.2.1.2		<i>Tự chọn</i>	4/14				
58	HIS3001	Đô thị cổ Việt Nam	2	28	2		HIS2061*
59	HIS3008	Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kì cổ trung đại	2	28	2		HIS2061*
60	HIS3007	Lịch sử chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời cổ trung đại	2	28	2		HIS2061*
61	HIS3009	Cơ cấu kinh tế- xã hội Việt Nam thời cận đại	2	28	2		HIS2019*
62	HIS3010	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	2	28	2		HIS2019*

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
63	HIS3012	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời hiện đại 1945-1975	2	28	2		HIS2104*
64	HIS3004	Nông thôn, nông nghiệp Việt Nam thời hiện đại	2	28	2		HIS2104*
V.2.2		<i>Hướng ngành Lịch sử Thế giới</i>	10				
V.2.2.1		<i>Bắt buộc</i>	6				
65	HIS3082	Quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực Biên Đông	2	28	2		HIS2064*
66	HIS3020	Một số vấn đề về quan hệ kinh tế và hợp tác khu vực Đông Á	2	28	2		HIS2065*
67	HIS3024	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh	2	28	2		HIS2065*
V.2.2.2		<i>Tự chọn</i>	4/16				
68	HIS3015	Đặc điểm lịch sử cổ trung đại Phương Đông	2	28	2		HIS2064*
69	HIS3019	Các học thuyết chính trị- xã hội ở Trung Quốc thời cổ trung đại	2	28	2		HIS2064*
70	HIS3014	Văn minh thế giới và sự tiến hóa của nhân loại	2	28	2		HIS2065*
71	HIS3023	Sự hình thành, phát triển của các công ty Đông Ấn châu Âu và tác động đối với châu Á thế kỉ XVI-XVII	2	28	2		HIS2006*
72	HIS3025	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai	2	28	2		HIS2065*
73	HIS3026	Sự hình thành và phát triển của liên minh Châu Âu (EU)	2	28	2		HIS2065*
74	HIS3027	Liên bang Nga- sự hình thành, phát triển và quan hệ với Việt Nam	2	28	2		HIS2065*
75	HIS3028	Một số vấn đề về lịch sử Trung Đông	2	28	2		HIS2065*
V.2.3		<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản VN</i>	10				
V.2.3.1		<i>Bắt buộc</i>	6				
76	HIS3029	Một số vấn đề về nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	28	2		HIS1002
77	HIS3031	Đường lối đối ngoại của Đảng qua các thời kì lịch sử	2	28	2		HIS1002
78	HIS3032	Một số vấn đề cơ bản trong đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	28	2		HIS1002
V.2.3.2		<i>Tự chọn</i>	4/16				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
79	HIS3033	Một số vấn đề về cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2	28	2		HIS1002
80	HIS3034	Đảng CSVN lãnh đạo công cuộc chuẩn bị, tiến lên tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945	2	28	2		HIS1002
81	HIS3037	Vai trò hậu phương của miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước	2	28	2		HIS1002
82	HIS3030	Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc xây dựng bộ máy chính quyền thời kì 1945-1975	2	28	2		HIS1002
83	HIS3036	Một số vấn đề cơ bản trong quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ II	2	28	2		HIS1002
84	HIS3035	Chính sách ruộng đất của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kì cách mạng	2	28	2		HIS1002
85	HIS3039	Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng	2	28	2		HIS1002
86	HIS3040	Công tác vận động quần chúng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình cách mạng	2	28	2		HIS1002
V.2.4		<i>Hướng ngành Văn hóa học</i>	10				
V.2.4.1		<i>Bắt buộc</i>	6				
87	HIS3041	Một số vấn đề lí luận văn hóa học và lịch sử văn hóa	2	28	2		HIS1056*
88	HIS3042	Tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt Nam	2	28	2		HIS1056*
89	HIS3043	Đô thị và văn hóa đô thị ở Việt Nam	2	28	2		HIS1056*
V.2.4.2		<i>Tự chọn</i>	4/12				
90	ANT3025	Nhân học văn hóa	2	28	2		HIS1056*
91	SOC3005	Xã hội học văn hóa	2	28	2		HIS1056*
92	HIS3049	Văn hóa làng xã	2	28	2		HIS1056*
93	HIS3046	Văn hóa dân gian Việt Nam	2	28	2		HIS1056*
94	HIS3047	Một số vấn đề về tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội ở Việt Nam	2	28	2		HIS1056*
95	HIS3048	Văn hóa và môi trường	2	28	2		HIS1056*
V.2.5		<i>Hướng chuyên ngành Khảo cổ học</i>	10				
V.2.5.1		<i>Bắt buộc</i>	6				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
96	HIS3050	Các phương pháp nghiên cứu Khảo cổ học	2	28	2		HIS2010*
97	HIS3051	Thời đại đồ đá Việt Nam	2	28	2		HIS2010*
98	HIS3052	Thời đại kim khí Việt Nam	2	28	2		HIS2010*
V.2.5.2		Tự chọn	4/16				
99	HIS3054	Con người- Kỹ thuật - Môi trường	2	28	2		HIS2010*
100	HIS3053	Khảo cổ học lịch sử người Việt	2	28	2		HIS2010*
101	HIS3055	Khảo cổ học Champa	2	28	2		HIS2010*
102	HIS3056	Khảo cổ học Oc Eo	2	28	2		HIS2010*
103	HIS3058	Gốm sứ học và lịch sử gốm sứ Việt Nam	2	28	2		HIS2010*
104	HIS3059	Khảo cổ học Trung Quốc	2	28	2		HIS2010*
105	HIS3096	Mỹ thuật và kiến trúc cổ Việt Nam	2	28	2		HIS2010*
106	HIS3062	Lịch sử Khảo cổ học Việt Nam	2	28	2		HIS2010*
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	11				
107	HIS4050	Thực tập chuyên môn	2		20	10	HIS2010*
108	HIS4052	Thực tập tốt nghiệp	2		20	10	
109	HIS4153	Khóa luận tốt nghiệp**	7				
Tổng số:			149				